

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2022
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chấn

Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 384/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện LN, tỉnh BG

Bị đơn: Anh Giáp Văn N, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 22/10/2021 cùng các lời khai, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau: Chị và anh Giáp Văn N kết hôn ngày 01/11/1993, đăng ký kết hôn tại UBND xã T nhưng do lũ lụt năm 2008 nên bị mất đăng ký kết hôn và sổ sách quản lý về kết hôn tại xã T, đến ngày 12/11/2021 chị và anh N đi đăng ký kết hôn lại. Trước khi lấy nhau hai bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn chị về nhà anh N

làm dâu ngay. Vợ chồng chị sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng chúng chị không có chung quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được. Đến nay vợ chồng chị đã ly thân với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh BG giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Giáp Thị Minh N1, sinh ngày 02/10/1996, Giáp Thu H, sinh ngày 19/01/2003, Giáp Thu H1, sinh ngày 19/01/2003. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ, ruộng đất canh tác vợ chồng chị tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Giáp Văn N trình bày: Về thời điểm kết hôn, con chung như chị L trình bày anh xác nhận là đúng. Anh xác định vợ chồng trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nay chị L làm đơn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận con chung như chị L trình bày là đúng, nay con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chị L, anh N chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Giáp Văn N

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Giáp Văn N đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Giáp Văn N ngày 01/11/1993, đăng ký kết hôn tại UBND xã T nhưng do lũ lụt năm 2008 nên bị mất đăng ký kết hôn và sổ sách quản lý về kết hôn tại xã T, đến ngày 12/11/2021 chị L và anh N đi đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2021. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Do đó xác định hôn nhân giữa chị L và anh N là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại xã T, huyện LN, tỉnh BG. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ 2010 đến nay. Phía chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Phía anh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên không còn quan tâm gì tới nhau, anh N đồng ý ly hôn. HĐXX thấy: Vợ chồng chị L, anh N có mâu thuẫn và hiện hai vợ chồng đã ly thân. Thực tế mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều nhất trí ly hôn. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Giáp Văn N.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Giáp Văn N có 03 con chung là Giáp Thị Minh N1, sinh ngày 02/10/1996, Giáp Thu H, sinh ngày 19/01/2003, Giáp Thu H1, sinh ngày 19/01/2003, trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh N xác định con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường chị L không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị L và anh Giáp Văn N đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị L, anh Giáp Văn N được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xư cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Giáp Văn N.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0013408 ngày 23/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh BG.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chấn – Nguyễn Thị Yến

Đặng Công Định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

